

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

NGUYỄN VĂN NHẬT*

Cách đây vừa tròn 60 năm, vào đêm 19 rạng ngày 20 tháng 12 năm 1946, đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Thủ đô Hà Nội cùng một số thành phố, thị xã trong cả nước đã anh dũng đứng lên, mở đầu cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi toàn quốc.

Như chúng ta đã biết, sau hơn 80 năm dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, đánh đuổi Nhật - Pháp, giành được độc lập cho dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khai sinh với bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố trước quốc dân và thế giới ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc và Tổ quốc Việt Nam - Kỷ nguyên Độc lập và Tự do.

Hơn ai hết và hơn bất cứ lúc nào, Đảng và toàn dân ta muốn hoà bình để khôi phục, xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho nhân dân. Nhưng kẻ thù không cho chúng ta được như vậy.

Ngay sau khi nước ta tuyên bố độc lập, các thế lực đế quốc, phản động cùng một

lúc kéo vào Việt Nam, tìm mọi cách tiêu diệt chính quyền cách mạng. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng tiến vào chiếm đóng Thủ đô Hà Nội và hầu hết các thành phố, thị xã. Theo gót quân Tưởng, bọn phản động trong hai tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội kéo về nước và lập chính quyền ở một số thị xã phía Bắc.

Ở miền Nam, ngày 6-9-1945 quân Anh kéo vào Sài Gòn và theo gót quân Anh là những đơn vị bộ binh và xe bọc thép của quân đội viễn chinh Pháp. Ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và sau đó đánh rộng ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Trên đất nước ta chưa bao giờ cùng một lúc lại có nhiều kẻ thù như vậy. Trong khi đó, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ ở vào thế bị bao vây bốn phía. Liên Xô - chỗ dựa của cách mạng thế giới lúc đó lại quá xa chúng ta. Không những thế, sau khi giành được độc lập, chính quyền cách mạng và nhân dân ta gặp muôn vàn khó khăn. Nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu, lại bị Pháp, Nhật vơ vét, bị chiến tranh và thiên tai tàn phá nặng nề, gần 2 triệu người bị chết trong nạn đói khủng khiếp năm 1945. Sản xuất công nghiệp đình đốn, hàng vạn

* PGS.TS. Viện Sử học.

công nhân không có việc làm. Ngoại thương bế tắc, hàng hóa khan hiếm, giá cả cao vọt. Nền tài chính khó khăn, kho bạc trống rỗng, Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Về văn hóa, hơn 90% dân số nước ta mù chữ. Trong khi đó, chính quyền cách mạng vừa mới thành lập chưa có kinh nghiệm xây dựng, tổ chức, quản lý đất nước. Lực lượng vũ trang cách mạng còn quá bé nhỏ, trang bị vũ khí còn thô sơ, kinh nghiệm chiến đấu còn ít.

Vận mệnh của cách mạng Việt Nam, của dân tộc Việt Nam đang đứng trước thử thách vô cùng nghiêm trọng. Chính quyền nhân dân có thể bị lật đổ. Nền độc lập vừa mới giành được có thể bị thủ tiêu, nhân dân ta có nguy cơ trở lại cuộc sống nô lệ.

Trước tình hình đó, Đảng ta đã đánh giá đúng tình hình, thấy rõ những khó khăn của ta, đồng thời cũng thấy được những mặt mạnh cơ bản của cách mạng, đề ra những chủ trương, giải pháp nhằm đẩy lùi và ngăn chặn chiến tranh hoặc hoà hoãn nhằm kéo dài thời gian hoà bình để chúng ta có điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

Chủ trương của Đảng ta trong thời gian này tập trung những vấn đề trọng tâm và cốt yếu như sau:

1. Tập trung mọi sức lực xây dựng và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân

Ngay sau khi giành được chính quyền, Chính phủ đã ban hành nhiều sắc lệnh và nghị định để bảo vệ, củng cố cũng như xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, coi đây là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa sống còn của nhân dân ta lúc này. Điều quan trọng và cấp bách trước hết là phải tiến hành Tổng tuyển cử, thành lập Chính phủ chính thức. Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 14 về cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Bằng ý chí sắt đá của một dân tộc quyết tâm bảo vệ nền độc

lập vừa mới giành được, ngày 6-1-1946, nhân dân cả nước đã tiến hành thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội trong sự phá hoại điên cuồng của kẻ thù. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đầu tiên thành lập Chính phủ liên hiệp do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Tiếp đó, tại các tỉnh ở Bắc Bộ và Trung Bộ nhân dân các địa phương đã bầu ra Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp từ tỉnh đến cấp xã. Quốc hội Việt Nam đã tiến hành soạn thảo, ban hành Hiến pháp và những quy định khác đảm bảo sự lãnh đạo hợp pháp, hợp hiến của chính quyền mới. Đồng thời, Đảng chủ trương mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Mặt trận Liên Việt) nhằm tập hợp mọi tầng lớp nhân dân bảo vệ vững chắc chính quyền. Để bảo toàn lực lượng tránh sự công kích của các thế lực thù địch, Đảng tuyên bố tự giải tán mà thực chất là rút vào hoạt động bí mật.

Về kinh tế-tài chính, Đảng tổ chức lạc quyền cứu đói, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, khôi phục các nhà máy, hầm mỏ, lập ngân hàng, phát hành giấy bạc, tịch thu ruộng đất của địa chủ, phản động, chia lại ruộng đất, giảm tô cho nông dân, phát động nhân dân tự nguyện đóng góp tiền của thông qua "Tuần lễ vàng", "Quý độc lập", thực hiện chế độ đảm phụ Quốc phòng ...

Về văn hóa-xã hội, Đảng vận động toàn dân xây dựng nền văn hóa mới, xóa bỏ tệ nạn xã hội, thực hiện nền giáo dục mới, phát động phong trào bình dân học vụ để diệt "giặc đói"...

Đi đôi với việc củng cố, xây dựng chính quyền cách mạng, Đảng ta chú trọng xây dựng quân đội quốc gia và lực lượng công an Việt Nam.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Việt Nam giải phóng quân đã phát triển và

đổi thành Vệ quốc đoàn. Đến khi Chính phủ kháng chiến được thành lập, Vệ quốc đoàn được đổi thành Quân đội quốc gia Việt Nam. Đối với ngành công an, ngày 21-2-1946, theo sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam công an vụ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Sở Cảnh sát và Sở Liêm phóng.

Quân đội Quốc gia cùng với lực lượng công an Việt Nam đã lớn mạnh và thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, trung kiên trong cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự xã hội, an ninh quốc gia, đập tan các âm mưu phản loạn của các thế lực thù địch, bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước, bảo vệ cuộc sống yên lành của nhân dân.

Tuy chúng ta chỉ có một thời gian ngắn hòa bình trong hòa hoãn, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân cả nước đã đẩy mạnh củng cố, xây dựng và bảo vệ vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân. Thắng lợi đó không chỉ là sự biểu dương sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đại đoàn kết dân tộc, mà còn tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho một nhà nước dân chủ nhân dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đối nội, đối ngoại trong thời kỳ đầy chông gai và thử thách.

2. Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhằm ngăn chặn chiến tranh

Sau khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng chiến tranh ra các tỉnh Nam Bộ, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc", xác định nhiệm vụ của "cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng ấy vẫn đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành và nước chưa được hoàn toàn độc lập" (1).

Nhưng lúc này nếu cùng một lúc chống cả quân Tưởng và thực dân Pháp, chúng ta sẽ khó đứng vững. Do vậy, để tránh tình thế bất lợi phải cùng một lúc chiến đấu với

nhiều lực lượng phản động, Đảng ta chủ trương đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với sách lược hòa hoãn với quân Tưởng, đàm phán với Pháp nhằm phá vỡ thế bao vây, uy hiếp của kẻ thù, ngăn chặn chiến tranh, kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng.

Từ tháng 9-1945 đến 3-1946, Đảng ta thực hiện chính sách tạm thời hòa hoãn với Tưởng trên miền Bắc để tập trung sức chống thực dân Pháp ở miền Nam. Nội dung nhân nhượng chủ yếu là: Cung cấp lương thực cho quân đội Tưởng và tay sai của chúng; mở rộng 70 ghế trong Quốc hội cho Việt quốc và Việt cách không qua bầu cử và đưa một số đại diện của các đảng này vào Chính phủ Liên hiệp lâm thời; các lực lượng vũ trang được lệnh tránh xung đột với quân Tưởng, không để mắc vào cạm bẫy khiêu khích, kiếm cơ lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

Với sách lược ngoại giao sáng suốt này, chúng ta đã làm thất bại âm mưu của Tưởng và thế lực phản động, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân cả nước tập trung lực lượng chống thực dân Pháp ở miền Nam.

Ngày 28-2-1946, Tưởng và Pháp ký Hiệp ước Hoa - Pháp thỏa thuận cho quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng để "giữ gìn trật tự" theo "Hiệp ước Quốc tế". Đây là sự mua bán chính trị giữa các thế lực đế quốc nhằm hợp pháp hóa hành động xâm lược của Pháp ở Đông Dương. Sự liên minh giữa Pháp và Tưởng qua Hiệp ước Hoa - Pháp đã đẩy cách mạng nước ta trước "sự đã rồi", buộc Đảng ta phải chọn con đường tạm thời hòa hoãn với Pháp để đẩy nhanh quân Tưởng về nước, kéo dài thời gian chuẩn bị kháng chiến.

Thực hiện chủ trương đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ Việt Nam ký với đại diện Chính phủ Pháp bản

Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946. Theo Hiệp định này, về mặt pháp lý, Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Về phía quân Pháp khi vào miền Bắc cũng được quy định rõ về địa điểm, thời gian và số lượng. Việc ký Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 đã giúp chúng ta "tránh bất lợi phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động..., bảo toàn thực lực, giành lấy giải pháp nghỉ ngơi và củng cố vị trí đã chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào..." (2).

Điều 3 của Hiệp định Sơ bộ quy định "Hai bên (Việt Nam và Pháp) đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, quân đội hai bên đóng dấu vẫn cứ đóng đầy" (3).

Trong bối cảnh lịch sử lúc này, việc Chính phủ ta ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ là một chủ trương đúng đắn, sáng tạo, là "mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc" (4).

Thực tế, Hiệp định Sơ bộ tạo thời gian hòa hoãn để nhân dân ta củng cố thành quả cách mạng mới giành được, chuẩn bị điều kiện đưa sự nghiệp kháng chiến kiến quốc tiến lên một bước phát triển mới. Đối với nhân dân miền Nam, Hiệp định Sơ bộ tạo điều kiện cho lực lượng kháng chiến trở lại bám trụ ở thôn xã, tạo sức mạnh để cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với tư thế và sức mạnh mới.

Tiếp theo việc ký Hiệp định Sơ bộ, ngày 25-3-1946, Phái đoàn Quốc hội Việt Nam do Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm nước Pháp. Ngày 29-5, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh cử Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn thay mặt Chính phủ Việt Nam đàm phán với Pháp. Cuộc đàm phán chính thức

Việt - Pháp được tổ chức tại Phôngtenoblô (Fontainebleau). Tuy nhiên, do dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, cuộc đàm phán không đi đến kết quả. Tuy vậy, Chính phủ Việt Nam vẫn kiên trì con đường đàm phán hòa bình, "Hội nghị Phôngtenoblô bị đình hẳn không có nghĩa là toàn bộ cuộc bang giao Việt - Pháp bị thất bại; Phôngtenoblô bị bỏ dở chứ không phải toàn bộ cuộc đàm phán Việt - Pháp phá liệt" (5).

Cũng trong thời gian này, theo lời mời của Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường thăm chính thức nước Pháp. Trong chuyến đi này, Người đã "...đem lá Quốc kỳ Việt Nam qua đến nước Pháp... làm cho số đông người Pháp trở nên bạn hữu của nhân dân Việt Nam, hết sức tán thành Việt Nam độc lập và Việt - Pháp cộng tác một cách thật thà, bình đẳng" (6).

Trong thời gian thăm Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ nhiều nhân vật quan trọng trong Chính phủ Pháp như Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại Marius Moutet) cùng các chính khách và đại diện các đảng phái, tổ chức chính trị ở Pháp. Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại bản Tạm ước Pháp - Việt quy định một số điều về quan hệ tạm thời kinh tế, văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam, quyết định thời gian tiếp tục đàm phán Việt - Pháp vào đầu năm 1947.

Cũng với mục đích tiếp tục đàm phán nhằm đẩy lùi hoặc tạm hoãn chiến tranh, trên đường về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cuộc gặp Cao ủy Pháp Đácgiăngliô (D'Argenlieu) tại vịnh Cam Ranh vào ngày 18-10-1946 để bàn cách thức thực hiện Tạm ước 14-9. Trong cuộc gặp gỡ này, Cao ủy Pháp đồng ý bổ nhiệm một đại diện của Chính phủ Việt Nam để phối hợp thực hiện ngừng bắn, nhưng đòi quân đội Việt Nam tại miền Nam rút về miền Bắc. Ý đồ này

của Pháp không được chấp nhận. Trong bức điện gửi cho Mariut Mutê, Đácgiăngliơ phải thừa nhận: "... Dù sao tôi vẫn có cảm tưởng rằng ông Hồ chân thành mong muốn, ít ra là trong một thời gian, sẽ tìm thấy ở sự giao hòa với Pháp một sự củng cố lại các kết quả đã giành được và bước đầu của những tiến bộ mới" (7).

Cuộc gặp gỡ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cao ủy Pháp Đácgiăngliơ tại vịnh Cam Ranh ngày 18-10-1946 là nỗ lực cuối cùng của Chính phủ Việt Nam cùng với hàng loạt những hoạt động ngoại giao khác trong những năm 1945-1946 nhằm đẩy lùi chiến tranh hoặc là hòa hoãn kéo dài thời gian hòa bình để chúng ta thực hiện nhiều công việc cần kíp khác. Nhưng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".

Cũng cần phải làm rõ thêm một vấn đề là, với sự nhạy cảm chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy được vai trò cũng như ý đồ của Mỹ muốn xóa bỏ sự thống trị thực dân của Pháp ở Đông Dương, đặt Đông Dương dưới một chế độ quản trị quốc tế sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc. Không bỏ lỡ cơ hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm kiếm sự ủng hộ của Mỹ để tạo cho Việt Nam có một vị trí trong phe đồng minh chống phát xít, tạo thế pháp lý quốc tế cho chính quyền cách mạng và triệt để phân hoá hàng ngũ đế quốc đối với cách mạng Việt Nam. Nhân danh Chủ tịch Chính phủ Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư, điện cho Tổng thống, Bộ Ngoại giao Mỹ và Liên Hợp quốc đề nghị công nhận và ủng hộ nền độc lập của ta. Thiếu tá Patti, lúc đó là Chỉ huy Tổ chức Tình báo Chiến lược Mỹ, đại diện cho nhà chức trách

Mỹ ở Việt Nam đã thừa nhận: "Từ giữa tháng 11-1945 đến tháng 3-1946, cơ quan tôi đã nhận được các bản sao của nhiều bức điện và thư Hồ Chí Minh gửi cho Tổng thống Mỹ, Bộ Ngoại giao, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng Nghị viện và Liên hiệp quốc. Đó là những lời khẩn thiết kêu gọi can thiệp vào Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc hình thành trong Hiến chương Đại Tây Dương và vì lý do nhân đạo" (8). Rất tiếc do mưu đồ chung của các thế lực đế quốc, nỗ lực ngoại giao trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Mỹ đã không đem lại kết quả.

3. Đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến toàn quốc

Việc các nước đế quốc đem quân vào nước ta với dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam không phải là điều bất ngờ đối với chúng ta. Ngay từ khi Chiến tranh thế giới thứ Hai chưa kết thúc, Đảng ta đã chỉ rõ: "... Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương" (9), hay "Sự mâu thuẫn giữa Anh - Pháp - Mỹ và Liên Xô có thể làm cho Anh - Mỹ nhân nhượng với Pháp để Pháp trở lại Đông Dương" (10).

Đúng như dự đoán của chúng ta, chỉ 21 ngày sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố thành lập, ngày 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược lần thứ hai của Pháp đối với Việt Nam.

Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25-11-1945 của Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ chiến lược lúc này vẫn là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, khẩu hiệu đấu tranh lúc này vẫn là "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Kẻ thù chính của ta là "thực dân Pháp xâm lược nên phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng" (11) và đề ra nhiệm vụ trước mắt là: Cùng với

việc xây dựng, bảo vệ và củng cố chính quyền, cải thiện đời sống nhân dân, phải chú trọng việc trấn áp các thế lực phản động, đẩy mạnh kháng chiến ở miền Nam và tích cực xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong khi đàm phán hòa bình và chuẩn bị kháng chiến, Đảng ta quán triệt quan điểm: "Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, *không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu*, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta" (12).

Với tinh thần đó, trong quá trình đàm phán với Pháp, chúng ta đã tận dụng thời gian hòa hoãn để triển khai một loạt công việc cần kíp can hệ đến an ninh đất nước.

Về việc xây dựng lực lượng vũ trang, cuối năm 1946, lực lượng vũ trang tập trung ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã có 30 trung đoàn, ở Nam Bộ có 25 chi đội. Tổng số quân khoảng 80 vạn người. Ngoài ra, chúng ta đã tổ chức được gần 1 triệu du kích và tự vệ. Lực lượng vũ trang của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đã phối hợp với các lực lượng dân quân, du kích tấn công nhiều trận gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp. Vùng giải phóng nông thôn ở Nam Bộ được mở rộng, nhiều căn cứ địa được hình thành và ngày càng củng cố như căn cứ Đồng Tháp Mười, căn cứ U Minh, Chiến khu D.

Ở Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, ngoài các đơn vị bộ đội tập trung ở vùng tự do Liên khu 5, đến giữa năm 1946, ta đã xây dựng được 4 trung đoàn chủ lực ở cực Nam Trung Bộ và 1 tiểu đoàn ở Tây Nguyên (tiểu đoàn Nơ Trang Lơng).

Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ ngoài việc tiêu diệt và

làm tiêu hao sinh lực địch, đã kiểm chế quân Pháp mở rộng chiến tranh ra toàn quốc, góp phần bảo vệ chính quyền cách mạng ở miền Nam nói riêng, bảo vệ Đảng và chính quyền cách mạng trong cả nước nói chung.

Về việc trấn áp các lực lượng phản động, Chính quyền cách mạng đã thành lập Tòa án quân sự trừng trị bọn phản cách mạng như Vũ Mạnh Kha, Phạm Huy Chung..., giải tán một số tổ chức phản động như Đại việt quốc gia xã hội đảng, Lực lượng công an non trẻ của ta đã đập tan những hành động nhằm lật đổ chính quyền cách mạng của một số phần tử phản động trong Việt Nam quốc dân đảng như vụ Ôn Như Hầu, phá tan âm mưu đảo chính nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Pháp 14-7 ở Hà Nội...

Tuy chúng ta chỉ có một thời gian ngắn hòa bình trong hòa hoãn, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quần và dân cả nước vừa đẩy mạnh việc củng cố, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, vừa tích cực chuẩn bị lực lượng để kháng chiến một khi khả năng hòa hoãn và hòa bình không còn nữa.

4. Phát động kháng chiến toàn quốc khi thực dân Pháp bội ước. Hà Nội chiến đấu kim chân địch, hoàn thành cuộc tổng di chuyển lực lượng lên căn cứ địa Việt Bắc

Từ khi Pháp nổ súng xâm lược Sài Gòn và Nam Bộ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên trì thực hiện đàm phán hòa bình với Chính phủ Pháp. Nhưng thực tế ở Đông Dương cho thấy, ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. "Cái bộ ba Đácgiăngliơ, Pinhông, Valuy sau khi đã cân nhắc đắn đo kỹ lưỡng, đã cố tình gây ra xung đột nhằm loại bỏ ông Hồ Chí Minh và Việt Minh trước khi nối tiếp lại những cuộc đàm phán như đã dự định" (13).

Thực dân Pháp đã bội ước Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946, tấn công nhiều nơi ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, khiêu khích nhiều nơi ở miền Bắc, từng bước leo thang chuẩn bị chiến tranh. Quân Pháp tổ chức tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn, gây hấn ở Hà Nội, gây ra vụ tàn sát ở phố Hàng Bún, phố Yên Ninh ngày 17-12-1946. Pháp liên tiếp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam đòi để chúng làm nhiệm vụ trị an ở Hà Nội, nếu không chấp nhận thì ngày 20-12-1946, quân Pháp sẽ chuyển sang hành động.

Đứng trước tình hình thực dân Pháp đang mở rộng chiến tranh ra Thủ đô Hà Nội hòng lật đổ Chính phủ kháng chiến, tiêu diệt chính quyền dân chủ nhân dân, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phải có sự lựa chọn lịch sử, một quyết định chiến lược để xoay chuyển tình thế khi Tổ quốc lâm nguy. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng tình hình và quyết định phát động chiến tranh cách mạng chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Đêm 19-12-1946, quân và dân Hà Nội đã mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc với tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Đêm 19 rạng sáng ngày 20-12-1946, thay mặt Đảng và Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến".

Hai đoạn đầu trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên được lòng yêu hòa bình, sự nhân nhượng để đổi lấy hòa bình, nhưng kiên quyết đứng lên thà hy sinh tất cả để bảo vệ tự do và độc lập: "... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" (14). Hà Nội, với tiếng súng pháo đài Láng đã mở đầu cho

cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân ta. Cuộc chiến đấu 60 ngày đêm của quân và dân Hà Nội không chỉ đã tiêu diệt, tiêu hao một phần sinh lực địch, mà đã kim chân địch trong thành phố để hậu phương tổ chức triển khai thế trận kháng chiến lâu dài, để bảo vệ cuộc tổng di chuyển các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ và các bộ, ngành về căn cứ an toàn tiếp tục cuộc kháng chiến thần thánh, trường kỳ nhưng kết thúc thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta.

Như chúng ta đã biết, sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí khác ở lại Việt Bắc một thời gian để giúp đồng bào các dân tộc ổn định và xây dựng cuộc sống mới, đồng thời chuẩn bị củng cố thêm căn cứ địa cách mạng làm hậu phương vững chắc nếu chiến tranh tiếp tục xảy ra. Cuối tháng 10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại cử đồng chí Nguyễn Lương Bằng lên Việt Bắc để chuẩn bị căn cứ địa cho cuộc kháng chiến. Khi chiến tranh lan rộng, tháng 11-1946, đội công tác đặc biệt gồm đại biểu các ngành an ninh, quân sự, chính quyền, đoàn thể do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách tiếp tục lên Việt Bắc chuẩn bị những công việc cần thiết cho việc tổng di chuyển các cơ quan trung ương lên chiến khu khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Từ cuối tháng 11-1946, cuộc tổng di chuyển bắt đầu được thực hiện. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cuộc tổng di chuyển vẫn được tiếp tục và đến cuối tháng 2 năm 1947, khi thực dân Pháp cơ bản chiếm được các thành phố, thị xã ở miền Bắc và đánh rộng ra các vùng nông thôn, cuộc tổng di chuyển căn bản hoàn thành. Các cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận, quân đội... cùng kho tàng, máy móc, nhân dân được di chuyển dần từ Hà Nội ra

ngoại thành, tới các địa phương của Hà Đông, Sơn Tây rồi dần chuyển lên Việt Bắc. Việt Bắc trở thành Thủ đô của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Như vậy, qua 15 tháng từ 2-9-1945 đến ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc với khẩu hiệu "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết", thực hiện chính sách nội trị và ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt chủ trương hòa hoãn với Pháp, nhân nhượng có nguyên tắc để tránh xung đột vũ trang, ngăn chặn chiến tranh, kéo dài thời gian hòa hoãn; mặt khác tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến, củng cố lực lượng trên chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ, củng cố chế độ dân chủ cộng hòa một cách toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục... Đến khi thực dân Pháp cố ý gây chiến

tranh, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Tinh thần cũng như chủ trương của toàn Đảng và toàn dân ta đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết và khẳng định: "Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh... Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng mọi cách... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm... Dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do" (15).

Với tinh thần đó, qua 9 năm trường kỳ và gian khổ, cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp của dân tộc ta đã kết thúc thắng lợi với trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Cách mạng Việt Nam bước sang một thời kỳ mới - Thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3), (5), (11), (12). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8 (1945-1947). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 26, 49, 48, 117, 26, 46.

(4). Lê Duẩn: *Tuyển tập*. Tập 1. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 439.

(6), (14), (15). *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4 (1945-1946). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 417, 480, 473.

(7), (13). Philippe Devillers: *Pari - Sài Gòn - Hà Nội*. Tư liệu lưu trữ về cuộc chiến tranh Việt Nam 1944-1947. Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2003, tr. 204, 10.

(8). I.A.Patti. *Tại sao Việt Nam?* Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr. 382.

(9), (10). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7 (1940-1945). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 424, 427.